TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 249/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 340/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: bà **Trần Thị H**, sinh năm 1984
Địa chỉ: tổ dân phố 11, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: ông **Lê Văn T**, sinh năm 1986
Địa chỉ: tổ dân phố 11, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026,

XÉT THẤY:

Bà Trần Thị H và ông Lê Văn T đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, Quyển số 1/2006 ngày 20/3/2006. Nay bà H, ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Trần Thị H và ông Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Trần Thị H và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* bà H, ông T xác nhận có 03 (ba) người con chung tên Lê Trần Thảo U (nữ), sinh ngày 02/11/2005; Lê Trần Thanh H (nữ), sinh ngày 11/3/2014 và Lê Trần Thanh T (nữ), sinh ngày 15/02/2018. Sau ly hôn, giao 02 con chung là Thanh H và Thanh T cho ông Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T chưa yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Lê Trần Thảo U đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại các Điều 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: bà Trần Thị H và ông Lê Văn T phải chịu mỗi người 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà H tự nguyện chịu phần án phí ly hôn thay ông T nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0008717 ngày 13/5/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí cho bà H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 10 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 10 - Lâm Đồng;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Nữ Kiều Mỹ

TAND KHU VỰC 10

5MW290526.TL.QDBA 1272